

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Nguyên;
- Ông Lăng Thế Vũ.

- **Thư ký phiên toà:** bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nông Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* anh Nông Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày và yêu cầu Toà án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nông Văn Q được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2008. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc hoà

thuận. Đến khoảng năm 2016-2017, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Thậm chí do mâu thuẫn, mà anh Nông Văn Q trong lúc nóng giận đã đốt nhà, hậu quả cháy hết chần mản, mái lợp proximang, may mắn không có thiệt hại về người do các con của chị kịp chạy ra ngoài. Sau sự việc đó, vợ chồng chị giải hoà nên chị đã trở về nhà sinh sống. Ngày 20-8-2021, anh Nông Văn Q đã viết Giấy cam kết do anh uống rượu nên đã nóng nảy với vợ con và cam kết rút kinh nghiệm. Tuy nhiên sau đó, vợ chồng vẫn liên tục xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, lối sống, sinh hoạt, chỉ cần vợ chồng cãi nhau về một vấn đề nhỏ là anh Nông Văn Q lại đánh đập chị, rồi đập phá hết đồ đạc trong nhà. Khoảng tháng 6 năm 2024, chị đi làm về thì anh Nông Văn Q xin tiền nhưng chị không cho nên anh Nông Văn Q lại đánh đập, chửi bới và đuổi chị ra khỏi nhà. Vợ, chồng chị cũng ly thân từ đó đến nay. Nay cuộc sống vợ đã mâu thuẫn trầm trọng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nông Văn Q.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Nông Khánh L1, sinh ngày 30-3-2004; cháu Nông Khánh Đ, sinh ngày 29-3-2008; cháu Nông Yến N, sinh ngày 30-4-2010. Do cháu Nông Khánh L1 đã trưởng thành, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Khánh Đ và cháu Nông Yến N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nông Văn Q phải cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về điều kiện nuôi con: hiện chị đang làm lao động tự do, thu nhập trung bình từ 5.000.000 đồng - 7.000.000 đồng, bản thân hai con gái đã nghỉ học từ sớm, hiện cả hai con đều đã đi làm công ty nên có thu nhập để nuôi sống bản thân nên chị cũng không cần phải chu cấp cho các con nhiều. Hiện mẹ con chị đều đang ở nhà ông bà ngoại, được ông bà ngoại tạo điều kiện về nơi ở.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Nông Thị L là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chị đã có đơn xin miễn án phí, yêu cầu Tòa án xem xét miễn án phí cho chị.

Bị đơn anh Nông Văn Q trình bày: về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn, chị Nông Thị L trình bày là đúng. Từ tháng 6 năm 2024 vợ, chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh có bảo chị Nông Thị L đưa tiền đi mua thuốc nhưng chị Nông Thị L không đưa tiền cho anh nên vợ, chồng có xảy ra cãi nhau. Sau đó, chị Nông Thị L cũng bỏ về nhà ngoại cùng thôn ở từ đó đến nay không về nhà nữa. Một nguyên nhân khác nữa là chị Nông Thị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác tuy nhiên anh không có chứng cứ; khi biết vợ ngoại tình, anh có nói chuyện với chị Nông Thị L là thay đổi vì các con, cho các con có gia đình hạnh phúc nhưng vợ không đồng ý. Từ khi vợ về nhà ngoại ở, anh cũng có hàn gắn nhưng chị Nông Thị L không đồng ý, không về nhà. Bản thân anh vẫn có tình cảm với vợ, nay chị yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: có 03 con chung là cháu Nông Khánh L1, sinh ngày 30-3-2004; cháu Nông Khánh Đ1, sinh ngày 29-3-2008; cháu Nông Yến N, sinh ngày 30-4-2010. Cháu Nông Khánh L1 đã trưởng thành, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp ly hôn, anh nhất trí việc chị Nông Thị L yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Khánh Đ1 và cháu Nông Yến N đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và anh không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên, cháu Nông Khánh Đ, cháu Nông Yến N trình bày: đều mong muốn được ở cùng mẹ là chị Nông Thị L; quá trình chung sống hai cháu nhiều lần thấy việc bố mẹ mâu thuẫn, cãi nhau rồi bố đánh đập mẹ.

Tại Đơn trình bày của ông Nông Văn Đ2 (bố đẻ chị Nông Thị L) cho biết: khoảng tháng 6 năm 2024, anh Nông Văn Q có đánh, đuổi chị Nông Thị L ra khỏi nhà nên chị Nông Thị L cùng các con đã chuyển về nhà ông sinh sống. Trường hợp vợ chồng chị Nông Thị L ly hôn, ông đồng ý cho mẹ con chị Nông Thị L tiếp tục sống ở nhà ông.

Tại Công văn số 233/UBND ngày 31-12-2024 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp thông tin giải quyết vụ án: qua xác minh với nguyên trưởng thôn ông Hoàng Văn M và trưởng thôn hiện nay ông Hoàng Trung X cho biết, Tổ hoà giải của thôn C đã nhiều lần hoà giải mâu thuẫn giữa chị Nông Thị L và anh Nông Văn Q do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; khoảng năm 2016-2017, do mâu thuẫn nên anh Nông Văn Q có hành vi muốn đốt nhà tuy nhiên kịp thời phát hiện chưa xảy ra cháy lớn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: về tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị L, xử cho chị Nông Thị L ly hôn với anh Nông Văn Q và chị Nông Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cháu Nông Khánh Đ, cháu Nông Yến N cho đến khi đủ 18 tuổi; cháu Nông Khánh L1 đã trưởng thành nên không giải quyết. Anh Nông Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Nông Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của con chung; các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng; bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, các biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên,

công văn phúc đáp của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đơn xin miễn án phí, ...

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: chị Nông Thị L và anh Nông Văn Q có đăng ký kết hôn số 32, Quyền số 01, ngày 01-12-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và có 03 con chung là cháu Nông Khánh L1, sinh ngày 30-3-2004; cháu Nông Khánh Đ, sinh ngày 29-3-2008; cháu Nông Yến N, sinh ngày 30-4-2010.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nông Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho anh Nông Văn Q được biết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nông Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Nông Văn Q cư trú tại thôn C, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nông Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của bị đơn không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nông Thị L và anh Nông Văn Q có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Xét thấy, chị Nông Thị L, anh Nông Văn Quả thực T đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 và đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng tồn tại mâu thuẫn do nhiều nguyên nhân, phù hợp với kết quả xác minh mâu thuẫn vợ chồng do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, anh Nông Văn Q không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không hợp tác, không đến Tòa án để Tòa án tiến hành hoà giải mâu thuẫn giữa vợ chồng. Mặt khác, mâu thuẫn giữa chị Nông Thị L và anh Nông Văn Q đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nông Thị L yêu cầu ly hôn với anh Nông Văn Q là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nông Thị L và anh Nông Văn Q có 03 con chung là cháu Nông Khánh L1, sinh ngày 30-3-2004; cháu Nông Khánh Đ, sinh ngày 29-3-2008; cháu Nông Yến N, sinh ngày 30-4-2010. Cháu Nông Khánh L1 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết. Xét thấy, chị Nông Thị L yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Nông Khánh

Đ, Nông Yến N được anh Nông Văn Q nhất trí, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung. Mặt khác, chị Nông Thị L có đầy đủ các điều kiện việc làm, thu nhập, nơi ăn ở ổn định để nuôi con. Bên cạnh đó, hiện hai con chung đã nghỉ học và đi làm làm công ty nên có thu nhập để nuôi sống bản thân nên chị Nông Thị L cũng không cần phải chu cấp cho các con nhiều, việc giao 02 con chung cho chị Nông Thị L là phù hợp. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc để chị Nông Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, chị Nông Thị L có đơn xin được miễn án phí do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nông Thị L được miễn án phí theo quy định.

[8] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Nông Văn Q.

2. Về con chung: chị Nông Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nông Khánh Đ, sinh ngày 29-3-2008 và cháu Nông Yên N, sinh ngày 30-4-2010, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nông Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Nông Khánh L1, sinh ngày 30/3/2004 đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Nông Thị L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Q, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Phan Thị Thanh Huyền